

NHÂN DÂN QUẢNG BÌNH VỚI CÔNG TÁC TRỪNG TU TÔN TẠO CÁC DI TÍCH LỊCH SỬ QUA CÁC THỜI KỲ

Ban Quản lý Di tích tỉnh Quảng Bình

Quảng Bình là một tỉnh thuộc Bắc Trung Bộ, ở vào 17⁰05'02'' đến 18⁰05'12'' vĩ độ Bắc và 106⁰56'55'' đến 106⁰59'37'' kinh độ Đông, là vùng đất cực hẹp của đất nước. Phía Bắc giáp tỉnh Hà Tĩnh, ngăn cách bởi dãy Hoành Sơn chạy theo hướng từ Tây sang Đông dài 129km, phía Nam giáp tỉnh Quảng Trị có chung địa giới là 83km. Phía Tây giáp tỉnh Khăm Muộn của nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào chạy dọc dãy Trường Sơn 201km. Phía Đông giáp biển Đông có đường biển dài 116km. Dải đất Quảng Bình như một bức tranh hoành tráng, có rừng, có biển với nhiều cảnh quan đẹp, thắng cảnh nổi tiếng: Đèo Ngang, đèo Lý Hòa, cửa biển Nhật Lệ, phá Hạc Hải, Cổng Trời,... và Di sản Thiên nhiên thế giới Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng.

Quảng Bình là vùng đất văn vật, có các di sản Văn hóa Bàu Tró, các di chỉ thuộc nền Văn hóa Hòa Bình và Đông Sơn, nhiều địa danh nổi tiếng trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Trên dặm dài lịch sử, đã hình thành nhiều làng văn hóa nổi tiếng và được truyền tụng từ đời này sang đời khác như “Bát danh hương”: “Sơn - Hà - Cảnh - Thổ - Văn - Võ - Cổ - Kim”. Nhiều danh nhân tiền bối học rộng, đỗ cao và nổi tiếng xưa nay trên nhiều lĩnh vực quân sự, văn hóa - xã hội như: Dương Văn An, Nguyễn Hữu Cảnh, Nguyễn Hàm Ninh, Hoàng Kế Viêm, Võ Nguyên Giáp...

Cũng như mọi miền quê khác của đất nước Việt Nam, trong quá trình sinh tồn và phát triển, trên mảnh đất Quảng Bình đã ôm trong lòng một hệ thống di tích lịch sử văn hóa vừa là tấm gương phản chiếu và chứng nhân lịch sử, đồng thời là thước đo các giá trị văn hóa của cộng đồng. Có thể coi di tích lịch sử văn hóa như là một loại tượng đài mà trên đó, các thế hệ đi trước đã ghi dấu những giá trị lịch sử, văn hóa nghệ thuật, kỹ thuật tài năng sáng tạo, đạo lý “Uống nước nhớ nguồn”, tinh thần yêu nước, sự hy sinh cao cả, bản lĩnh và khí phách anh hùng vượt qua muôn vàn thử thách cam go trong chiến đấu giành độc lập dân tộc và xây dựng đất nước. Di tích lịch sử văn hóa là bản “thông điệp” được vật chất hóa của ông cha gửi lại cho các thế hệ hôm nay và mai sau, là một thành tố quan trọng thể hiện sinh động và cụ thể bản sắc văn hóa của dân tộc. Trong phạm vi bài viết này, tôi chỉ xin nêu khái quát một số vấn đề liên quan đến công tác trùng tu, tôn tạo di sản văn hóa vật thể (di tích) qua các thời kỳ, đặc biệt là giai đoạn kể từ khi tái thiết lập tỉnh 1989 và được chú trọng hơn từ năm 2000-2015...

Qua kiểm kê bước đầu từ năm 1997 đến 2013, trong toàn tỉnh có 230 di tích và dấu hiệu di tích. Có 99 di tích được xếp hạng, trong đó 51 di tích cấp Quốc gia và 48 di tích cấp tỉnh. Hệ thống di tích lịch sử Đường Trường Sơn (Đường Hồ Chí Minh)

được xếp hạng di tích Quốc gia đặc biệt; Di sản Thiên nhiên thế giới Vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng.

Di tích là những bằng chứng vật chất có ý nghĩa quan trọng, minh chứng về lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước của quê hương, của dân tộc. Di tích giúp con người biết được cội nguồn của dân tộc mình, hiểu về truyền thống lịch sử, đặc trưng văn hóa của đất nước và do đó có tác động ngược trở lại tới việc hình thành nhân cách con người Việt Nam hiện đại.

Di tích chứa đựng những giá trị kinh tế to lớn (trị giá nhiều ngàn tỷ đồng) nếu bị mất đi không đơn thuần là mất tài sản vật chất mà là mất đi những giá trị tinh thần lớn lao không gì bù đắp nổi. Đồng thời di tích còn mang ý nghĩa là nguồn lực cho phát triển kinh tế, một nguồn lực rất lớn, sẵn có nếu được khai thác, sử dụng tốt sẽ góp phần không nhỏ cho việc phát triển kinh tế đất nước và nó ngày càng có ý nghĩa to lớn khi đất nước đang rất cần phát huy tối đa nguồn nội lực để phát triển.

Tồn tại song hành cùng với di sản văn hóa vật thể là một kho tàng di sản văn hóa phi vật thể phong phú không kém phần đa dạng, bao gồm nhiều loại hình, hình thức, nghi lễ của các dân tộc, các địa phương. Năm 2011, tổng số di sản văn hóa phi vật thể đã được kiểm kê là 104, trong đó:

- Lễ hội truyền thống dân gian: 52
- Nghề thủ công truyền thống: 27
- Nghệ thuật trình diễn dân gian: 12
- Tri thức văn hóa dân gian: 13

Xét về bản chất, di sản văn hóa dù ở trong hình thức nào, từ văn hóa vật thể cho tới phi vật thể, từ trong các di tích cho tới mọi sinh hoạt nghệ thuật, tín ngưỡng, lễ hội, tôn giáo, phong tục tập quán, lối sống, nếp sống, hoặc các tri thức dân gian về ngành nghề thủ công, y học, ẩm thực,... tất cả đều là những giá trị tồn tại dưới những dạng vật chất cụ thể hoặc dạng cái trừu tượng (không phải cái cụ thể) mang tính chất là những cái ẩn chứa phía sau những hoạt động hoặc kết quả của các hoạt động tinh thần (có ý thức) của con người trong mọi mối quan hệ với tự nhiên, với xã hội và với chính bản thân mình. Những giá trị ấy chính là cái “hồn”, là nơi thể hiện rõ nhất những thành tựu, trình độ, bản sắc văn hóa của một cộng đồng tại một không gian (địa điểm, địa phương,...) ở một thời gian, thời điểm nhất định. Tích lũy trong quá khứ, qua trường kỳ lịch sử, các giá trị đó trở thành một bộ phận quan trọng hợp thành vốn di sản văn hóa quý báu của quê hương, dân tộc.

Di tích lịch sử - văn hóa có vai trò to lớn đối với sự phát triển lành mạnh và bền vững của cuộc sống đương đại. Bảo vệ và phát huy giá trị của di tích là nền tảng, là nguồn động lực cho sự nghiệp bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước, là quyền lợi và trách nhiệm của mỗi người và của cả cộng đồng.

I. Đặc điểm hiện trạng di sản văn hóa (vật thể)

- Di tích - danh thắng ở Quảng Bình có mật độ dày, phân bố rộng, đều khắp các địa phương trong tỉnh, xét về số lượng cũng như loại hình, nhưng tính tập trung không cao.

- Về loại hình di tích - danh thắng ở Quảng Bình khá phong phú: Trong tổng số 99 di tích được xếp hạng có đủ bốn loại hình: Di tích kiến trúc nghệ thuật, di tích khảo cổ, di tích lịch sử và di tích danh thắng, trong đó danh thắng Phong Nha - Kẻ Bàng đã được công nhận là Di sản Thiên nhiên thế giới. Đặc biệt ở Quảng Bình có một đặc điểm mà ít địa phương có, đó là ngay trong lòng Di sản Thiên nhiên thế giới còn chứa đựng nhiều di tích lịch sử cấp Quốc gia đặc biệt thuộc hệ thống di tích đường Hồ Chí Minh huyền thoại.

Di sản văn hóa vật thể của Quảng Bình phần lớn làm bằng chất liệu hữu cơ, lại bị tàn phá nặng nề của chiến tranh, thiên tai và do sự quan tâm không đầy đủ của con người qua hàng trăm năm nên nhiều di tích bị xuống cấp nghiêm trọng như thành Đồng Hới, Quảng Bình Quan, lũy Đào Duy Từ,...

Hệ thống di tích Quảng Bình đã và đang chịu tác động ngày càng nhanh chóng của sự biến đổi môi trường tự nhiên và xã hội. Theo quan sát của chúng tôi, có thể quy vào mấy trường hợp sau đây:

- Không gian của di sản bị lấn chiếm để làm nhà ở, cơ sở dịch vụ, nhà hàng, khách sạn, công sở và sử dụng vào những mục đích gây bất lợi cho di sản: Thành Đồng Hới, cửa biển Nhật Lệ, đá nháy Lý Hòa...

- Môi trường thiên nhiên truyền thống của một số khu di sản bị biến dạng một phần, do các công trình xây dựng bao quanh khu di sản không phù hợp với quy hoạch truyền thống của khu di tích về vị trí, màu sắc, hình dáng... Khi các công trình xây dựng hoàn thành, được đưa vào sử dụng lại gây ảnh hưởng không tốt tới môi trường của di sản do tiếng ồn, khói bụi, nước thải...

- Môi trường thiên nhiên của một số di sản bị lấn át do những công trình xây dựng bao quanh có quy mô quá lớn cả về chiều cao và diện tích xây dựng, làm cho di sản trở nên nhỏ bé và chật chội.

- Không gian của di sản bị lấn chiếm để làm nhà ở, cơ sở dịch vụ, nhà hàng, khách sạn, công sở và sử dụng vào những mục đích gây bất lợi cho di sản: Thành Đồng Hới, cửa biển Nhật Lệ, đá nháy Lý Hòa.

- Môi trường của di sản bị ô nhiễm do sự phát triển du lịch, sự tập trung quá đông người trong mùa lễ hội mà chưa có những biện pháp quản lý bảo vệ cần thiết, chưa xây dựng được một kế hoạch hoạt động du lịch bền vững tại các khu di sản.

Sở dĩ có những hiện tượng trên là do sự thiếu đồng bộ, thiếu ý thức và thiếu quan tâm đến việc bảo tồn di sản của một số ngành, địa phương trong quá trình xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng các cơ sở sản xuất, như:

- Xây cảng, dựng cầu, mở đường, phát triển các ngành công nghiệp khai thác khoáng sản than, xi măng, nuôi trồng thủy sản... không chú ý đến việc bảo tồn di sản văn hóa trong khu vực triển khai dự án.

- Việc phát triển các đô thị không theo quy hoạch hoặc quản lý quy hoạch đô thị không nghiêm, dẫn đến tình trạng xây dựng đường xá, cầu cống, nhà hàng, khách sạn, biệt thự, nhà ở cao tầng ồ ạt, vô cùng lộn xộn. Những công trình mới đó, vô hình chung đã làm cho di sản văn hóa bị mất không gian truyền thống, nhiều di sản còn bị các công trình mới chèn lấn, có nguy cơ bị mai một. Các công trình cấp thoát nước và xử lý nước thải cũng như xử lý khói bụi, tiếng ồn ở các đô thị và nhà máy chưa đảm bảo, dẫn đến tình trạng gây ô nhiễm môi trường của di sản.

- Việc đô thị hóa nông thôn nhanh chóng, việc xây dựng ồ ạt các công trình mới không được kiểm soát một cách chặt chẽ nghiêm ngặt, dẫn đến tình trạng một số di sản văn hóa không có khu vực đệm, một số di sản văn hóa còn bị thu hẹp dần khu vực bảo vệ để nhường chỗ cho các hoạt động kinh tế, xã hội.

- Việc phát triển du lịch một cách mạnh mẽ trong khi chưa có đủ cơ sở hạ tầng, chưa có những công cụ pháp lý hữu hiệu để điều chỉnh các hành vi liên quan cũng làm cho di sản văn hóa có nguy cơ bị ô nhiễm do quá tải, nhất là trong mùa lễ hội, du lịch.

- Nhiều không gian hoạt động tại di sản văn hóa, không gian lễ hội bị phá vỡ, hoặc thu hẹp lại (đình, chùa bị phá hoại trong chiến tranh, các con đường hành lễ, các địa điểm sinh hoạt lễ hội, không gian văn hóa bị chia cắt do việc xây dựng mở mang các đô thị, khu công nghiệp...). Thế hệ trẻ ngày càng ít quan tâm và không còn muốn sống trong những môi trường truyền thống, môi trường sống tại các đô thị hiện đại có lực hấp dẫn mạnh mẽ đối với họ. Con người ngày càng muốn sống trong các điều kiện hiện đại, có đầy đủ tiện nghi hơn, vì vậy di sản văn hóa luôn đứng trước nguy cơ bị cải biến theo hướng hiện đại.

Trong quá khứ, nhiều di sản của chúng ta bị các yếu tố tự nhiên và xã hội tàn phá. Nhiều di sản đã bị xóa sổ trong chiến tranh, đến khi hòa bình lập lại (1954), thống nhất đất nước (1975), với truyền thống “uống nước nhớ nguồn”, trên nền móng cũ, nhiều công trình (ngôi đình thờ thành hoàng làng, ngôi chùa thờ Phật, ngôi đền thờ những người có công với dân với nước...) được phục hồi để bảo tồn và phát huy các giá trị tinh thần truyền thống của cộng đồng.

II. Khó khăn và thách thức

Do quá trình đô thị hóa với tốc độ nhanh đang diễn ra cộng với các hiện tượng thiên tai, lũ lụt thường xuyên xảy ra và cả những tác động chủ quan của con người như: lấn chiếm đất đai, phá rừng, ô nhiễm môi trường, hỏa hoạn... đã khiến một số di sản văn hóa đứng trước tình trạng bị biến dạng và có nguy cơ bị hủy hoại nghiêm trọng. Công tác quản lý di tích ở một số địa phương còn bị buông lỏng, tình trạng trộm cắp hiện vật quý hiếm trong di tích vẫn chưa được ngăn chặn triệt để. Năm 2008, UBND tỉnh đã chấn chỉnh, xử lý hàng chục vụ việc “nóng” liên quan đến công tác quản lý, bảo vệ, tôn tạo di tích ở các địa phương như di tích lịch sử đình Hòa Ninh ở xã Quảng Hòa, huyện Quảng Trạch; Đình Lộc Điền ở xã Quảng Thanh... Trong khi đó, một số di tích ở các địa phương tu bổ không xin phép hoặc chưa được tu bổ đúng quy trình gây dư luận không tốt cho xã hội.

Phần II:

QUẢNG BÌNH TRONG GIAI ĐOẠN TỪ TIỀN SỬ ĐẾN LỊCH SỬ CỔ - TRUNG ĐẠI

Việc xảy ra sai sót trong công tác tu bổ, tôn tạo di tích do những người tham gia chỉ đạo và trực tiếp thi công thiếu kiến thức chuyên môn. Khi tiến hành tu bổ, tôn tạo di tích, một số nơi vừa có biểu hiện bớt xén nguyên vật liệu, vừa không tuân thủ đúng các nguyên tắc thiết kế ban đầu. Thậm chí có người muốn thay thế di tích bằng một hình thức, kiểu dáng mới, mà không nhận thức sâu sắc rằng, di tích chỉ có giá trị khi nó phù hợp với từng thời điểm lịch sử cụ thể nhất định.

Bên cạnh đó, công tác xã hội hóa hoạt động bảo vệ và phát huy di sản văn hóa trong điều kiện cơ chế thị trường còn thiếu năng động và sáng tạo, chưa có sự phối kết hợp hoạt động.

Ngày nay, trong một thế giới phát triển mạnh mẽ và đầy biến động, nhiều giá trị mới sinh ra song song với sự mất đi của một số giá trị truyền thống, nhiệm vụ của chúng ta là phải bảo tồn các giá trị truyền thống và phát hiện, giữ gìn các giá trị mới.

Để làm được điều này, chúng ta cần nhận thức rõ những hạn chế, bất cập, những nỗi lo hiện nay của chúng ta trên các khía cạnh: Hệ thống tổ chức, cơ cấu bộ máy quản lý, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, nguồn nhân lực, tài chính và nhận thức của cộng đồng trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản. Những tồn tại đó cộng với những khó khăn do quá khứ để lại quá nặng nề nên không thể trong một thời gian ngắn và chỉ một ngành, một cấp có thể khắc phục được. Vậy nên, cần phải có lộ trình/ có sự liên kết/ phối hợp liên ngành để bảo tồn và phát huy giá trị di sản thích hợp với điều kiện của đất nước trong từng giai đoạn lịch sử.

Danh mục các di tích lịch sử, văn hoá và danh thắng tỉnh Quảng Bình được xếp hạng cấp Quốc gia

Tên khu vực	Địa điểm	Số quyết định của cơ quan cấp
Các trọng điểm trên Đường 12A: - Bãi Dinh - Đồi 37, Cha Lo, Công Trời - La Trọng - Ngâm Khe Ve - Ngâm Rinh	Dân Hóa	Quyết định số 236/VH-QĐ ngày 12/12/1986 của Bộ trưởng Bộ VH-TT
Hang động: - Xã Hóa Thanh (Hang Thanh Lạng, Tổng kho X47) - Xã Hóa Tiến (Hang Xăng dầu, Hang Chỉ huy, Hang Hậu cần của Bộ Chỉ huy 559)	Hóa Thanh - Hóa Tiến	Quyết định số 236/VH-QĐ ngày 12/12/1986 của Bộ trưởng Bộ VH-TT
Đồi Cha Quang	Dân Hóa	QĐ số 1732/VH-QĐ ngày 7/5/2009 của Bộ VH,TT&DL
Mộ và Nhà thờ Đền đốc Lê Trực	Tiến Hóa	QĐ số 774/QĐ-BT ngày 21/6/1993 của Bộ trưởng Bộ VH-TT
Đường 15 gồm: - Cầu KaTang	Lâm Hóa	QĐ số 1732/VH-QĐ ngày 7/5/2009 của Bộ VH,TT&DL

Phần II:**QUẢNG BÌNH TRONG GIAI ĐOẠN TỪ TIỀN SỬ ĐẾN LỊCH SỬ CŨ - TRUNG ĐẠI**

Hang Lèn Hà	Thanh Hóa	QĐ số 1732/VH-QĐ ngày 7/5/2009 của Bộ VH,TT&DL
Đình Đồng Dương	Quảng Phương	Quyết định số 983/QĐ ngày 4/8/1992 của Bộ trưởng Bộ VH-TT
Di tích Mai Lương	Quảng Sơn	Quyết định số 95-1998-QĐ/BT ngày 24/1/1998 của Bộ trưởng Bộ VH-TT
Điện Thành Hoàng Vĩnh Lộc	Quảng Lộc	Quyết định số 1568 QĐ/BT ngày 20/4/1995
Đình Phù Trạch	Quảng Lộc	Quyết định số 310QĐ/BT ngày 13/2/1996 của Bộ trưởng Bộ VH-TT
Đình Lũ Phong	Quảng Phong	Quyết định số 95-1998 QĐ/BT ngày 24/1/1998 của Bộ trưởng Bộ VH-TT
Chiến khu Trung Thuần	Quảng Lưu	Quyết định số 2233 QĐ/BT ngày 26-6-1995
Làng Chiến đấu Cảnh Dương	Cảnh Dương	Quyết định số 774 QĐ/BT ngày 21/6/1993 của Bộ trưởng Bộ VH-TT
Đình Hòa Ninh	Quảng Hòa	QĐ số 1430/QĐ của Bộ trưởng Bộ VH-TT ngày 12/10/1993
Bến phà Gianh	Quảng Thuận Quảng Phúc	Quyết định số 3518-1998-QĐ ngày 4/12/1998 của Bộ trưởng Bộ VH-TT
Đình Tượng Sơn và Lăng mộ Nguyễn Dụng	Quảng Long	Quyết định số 62/2003/QĐ-BVHTT ngày 27/11/2003 của Bộ VH-TT
Đình Minh Lệ	Quảng Minh	Quyết định số 1430QĐ/BT ngày 12/10/1993
Các trọng điểm trên Đường 20 Quyết Thắng: Km10.5 Km14 trọng điểm Trà Ang - Km16,5,... Hang 8TNXP	Tân Trạch	Quyết định số 236/QĐ ngày 12/12/1986 của Bộ trưởng Bộ VH-TT
Khu vực - Bến phà Xuân Sơn - Động Phong Nha	Sơn Trạch	Quyết định số 236/QĐ ngày 12/12/1986 của Bộ trưởng Bộ VH-TT
Làng Chiến đấu Cự Nấm	Cự Nấm	Quyết định số 921QĐ/BT ngày 20/7/1994 của Bộ trưởng Bộ VH-TT
Lăng mộ Hồ Hồng, Hồ Cường	Nhân Trạch	Quyết định số 490/QĐ ngày 21-4-1992 của Bộ trưởng Bộ VH-TT
Ga Kê Rầy	Hoàn Lão	Quyết định số 51/2001/QĐ ngày 27/12/2001 của Bộ trưởng Bộ VH-TT
Bến Phà Gianh	Hạ Trạch Thanh Trạch	Quyết định số 3518-1998/QĐ ngày 04-12-1998 của Bộ trưởng Bộ VH-TT
Khu danh thắng Lý Hòa	Hải Trạch - Thanh Trạch	Quyết định số 3959VH/QĐ ngày 2/12/1992 của Bộ trưởng Bộ VH-TT
Đình Lý Hoà	Hải Trạch - Bổ Trạch	Quyết định số 3959VH/QĐ ngày 2/12/1992 của Bộ trưởng Bộ VH-TT
Đường 20 Quyết thắng gồm: - Dốc Ba Thang - Tổng kho NH - Hang Thông tin - Hang Y tá	Tân Trạch - Sơn Trạch	QĐ số 1732/VH-QĐ ngày 7/5/2009 của Bộ VH,TT&DL

Phần II:**QUẢNG BÌNH TRONG GIAI ĐOẠN TỪ TIỀN SỬ ĐẾN LỊCH SỬ CỔ - TRUNG ĐẠI**

Đường Ba Trại - Ngã Ba Thọ Lộc	Vạn Trạch	QĐ số 1732/VH-QĐ ngày 7/5/2009 của Bộ VH,TT&DL
Cảng cá Thanh Khê	Thanh Trạch	QĐ số 1733/VH-QĐ ngày 7/5/2009 của Bộ VH,TT&DL
Cửa Nhật Lệ	Hải Thành + Bảo Ninh, Đồng Hới	Quyết định số 97/QĐ ngày 21/1/1992 của Bộ trưởng Bộ VH-TT
Khảo cổ Bàu Tró	Hải Thành, Đồng Hới	Quyết định số 97/QĐ ngày 21/1/1992 của Bộ trưởng Bộ VH-TT
Quảng Bình Quan	Hải Đình, Đồng Hới	Quyết định số 97/QĐ ngày 21/1/1992 của Bộ trưởng Bộ VH-TT
Bến đò Mẹ Suốt	Bảo Ninh + Hải Đình, Đồng Hới	Quyết định số 97/QĐ ngày 21/1/1992
Địa điểm lưu niệm Bác Hồ về thăm Quảng Bình tháng 6-1957	Đồng Hới	Quyết định số 983/QĐ ngày 4/8/1992 của Bộ trưởng Bộ VH-TT
Trận địa lão quân Đức Ninh	Đức Ninh, Đồng Hới	Quyết định số 1568/QĐ/BT ngày 20/4/1995 của Bộ trưởng Bộ VH-TT
Khu Giao tế Quảng Bình	Đức Ninh, Đồng Hới	Quyết định số 3518/1998-QĐ ngày 4/12/1998
Thành Đồng Hới	Hải Đình + Đồng Phú	Quyết định số 97/QĐ ngày 21/1/1992 của Bộ trưởng Bộ VH-TT
Lũy Đào Duy Từ	Hải Thành + Bảo Ninh, Đồng Hới	Quyết định số 97/QĐ ngày 21-1-1992 của Bộ trưởng Bộ VH-TT
Lăng mộ Hữu Quân Đô thống Chương phủ sự Lê Sĩ	Võ Ninh, Quảng Ninh	QĐ số 41/2005/QĐ-BVHTT ngày 22/8/2005 của Bộ trưởng Bộ VH-TT
Nhà nhóm Thôn Trung	Võ Ninh - Quảng Ninh	Quyết định số 43-VH/QĐ ngày 7/1/1993
Lũy Đào Duy Từ (Lũy Đâu Mâu)	Vĩnh Ninh - Quảng Ninh	Quyết định số 97-QĐ ngày 21/1/1992
Bến phà Long Đại	Xuân Ninh - Quảng Ninh	Quyết định số 236/VH-QĐ ngày 12-12-1986
Khu vực Sở Chỉ huy cơ bản của Bộ Tư lệnh 559: - Hội trường Bộ Tư lệnh - Nhà thờ họ Nguyễn - Nhà thờ họ Trương - Phòng khách Bộ Tư lệnh 559	Quảng Ninh	Quyết định số 236/VH-QĐ ngày 12/12/1986
Bến phà Quán Hâu	Võ Ninh, Quảng Ninh	Quyết định số 62/2003/QĐ-BVHTT ngày 27/11/2003 của Bộ trưởng Bộ VH-TT
Km0 - Đường 10	Vạn Ninh	Quyết định số 1732/QĐ-BVHTTDL ngày 7/5/2009 của Bộ trưởng Bộ VH,TT&DL
Chùa An Xá	Lộc Thủy	Quyết định số 3959/VH-QĐ ngày 2/12/1992 của Bộ trưởng Bộ VH-TT
Chiến thắng Xuân Bò	Xuân Thủy	Quyết định số 51QĐ/BT ngày 12/1/1996 của Bộ trưởng Bộ VH-TT

Phần II:**QUẢNG BÌNH TRONG GIAI ĐOẠN TỪ TIỀN SỬ ĐẾN LỊCH SỬ CỔ - TRUNG ĐẠI**

Miếu Thần hoàng Mỹ Thổ - Trung Lực	Tân Thủy	Quyết định số 3959/VH-QĐ ngày 2/12/1992
Lăng mộ Nguyễn Hữu Cảnh	Trường Thủy	Quyết định số 95-1998-QĐ/BT ngày 24/1/1998 của BT Bộ VH-TT
Trận địa C gái Ngư Thủy	Hải Thủy	Quyết định số 51/2001/QĐ ngày 27/12/2001
Vụ thám sát Mỹ Trạch	Mỹ Thủy	Quyết định số 51/2001/QĐ ngày 27/12/2001 của Bộ trưởng Bộ VH-TT
Trạm Thông tin A72	Ngân Thủy	Quyết định số 236/VH-QĐ ngày 12/12/1986 của Bộ trưởng Bộ VH-TT
Lăng mộ và Miếu thờ Hoàng Hối Khanh	Trường Thủy - Phong Thủy	Quyết định số 1422-1998-QĐ ngày 23/7/1998 của Bộ trưởng Bộ VH-TT
Đường 16, gồm: - Ngã tư Thạch Bàn - Suối nước Khoáng Bang - Làng Ho	Phú Thủy, Kim Thủy	Quyết định số 1732/QĐ-BVH,TTDL ngày 7/5/2009 của Bộ trưởng Bộ VH,TT&DL

Danh mục di tích lịch sử, văn hoá và danh thắng được UBND tỉnh Quảng Bình xếp hạng

Tên khu vực	Địa điểm	Số quyết định của cơ quan cấp
Đình Kim Bảng và Hang lèn Cây Quýt	Minh Hóa	QĐ số 1088/QĐ-UB ngày 9/7/1999 của UBND tỉnh Quảng Bình
Hang Minh Cầm	Phong Hóa	QĐ số 2307/QĐ-UBND ngày 13/9/2006
Hang Lèn Đại Hòa	Đồng Hóa	QĐ số 862/QĐ-UB ngày 29/4/2002 của UBND tỉnh Quảng Bình
Di tích Bãi Đứ	Hương Hóa	QĐ số 1238/QĐ-UB ngày 7/7/2000 của UBND tỉnh Quảng Bình
Nhà Cụ Lê An và Hang Cây Lộ	Tiến Hóa	QĐ số 2543/QĐ-UB ngày 18/8/2004 của UBND tỉnh Quảng Bình
Nơi thành lập Trung đoàn 18	Đồng Hóa	QĐ số 1016/QĐ-UBND ngày 13/5/2010 của UBND tỉnh Quảng Bình
Miếu thờ Hiệp biện Đại học sĩ, Thái học Đường Trần Cảnh Huống	Văn Hóa	QĐ số 3139/QĐ-UBND ngày 30/11/2011 của UBND tỉnh Quảng Bình
Đình làng Lê Sơn	Văn Hóa	QĐ số 3081/QĐ-CT ngày 14/12/2012 của UBND tỉnh Quảng Bình
Truy Viễn Đường	Quảng Lộc	QĐ số 2171/QĐ-UB ngày 21/8/2001 của UBND tỉnh Quảng Bình
Di tích Trung Thôn	Quảng Trung	QĐ số 2531 2531/QĐ-UB ngày 16/8/2004 của UBND tỉnh Quảng bình
Đình làng La Hà	Quảng Văn	QĐ số 1766/QĐ-UB ngày 9/7/2003 của UBND tỉnh Quảng Bình
Hoành Sơn Quan	Quảng Đông	QĐ số 1738/QĐ-UB ngày 2/8/2002 của UBND tỉnh Quảng Bình
Đình Thuận Bài	Quảng Thuận	QĐ số 115/QĐ-UB ngày 22/1/2000 của UBND tỉnh Quảng Bình
Đình làng Lộc Điền	Quảng Thanh	QĐ số 1885/QĐ-UB ngày 16/7/2003 của

Phần II:**QUẢNG BÌNH TRONG GIAI ĐOẠN TỪ TIỀN SỬ ĐẾN LỊCH SỬ CŨ - TRUNG ĐẠI**

		UBND tỉnh Quảng Bình
Lăng mộ danh nhân Văn hoá - Nhà thơ Nguyễn Hàm Ninh	Quảng Lưu	QĐ số 1768/QĐ-UB ngày 9/7/2003
Chùa Ngọa Cương	Cảnh Hóa	QĐ số 2542/QĐ-UB ngày 18/8/2004 của UBND tỉnh Quảng Bình
Đền Liễu Hạnh Công chúa	Quảng Đông	QĐ số 116/QĐ-UB ngày 22/1/2000 của UBND tỉnh Quảng Bình
Miếu Nam Lãnh	Quảng Phú	QĐ số 43/2005/QĐ-UBND ngày 24/8/2005 của UBND tỉnh Quảng Bình
Chùa Phật Bà, Miếu Thành hoàng làng và Miếu Cao Các Mạc Sơn	Quảng Tùng	QĐ số 3242/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh Quảng Bình
Vụ thám sát B52 xã Quảng Sơn	Quảng Sơn	QĐ số 3241/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh Quảng Bình
Chùa Quan Âm Tự	Đức Trạch	QĐ số 2089/QĐ-UB ngày 27/9/2000 của UBND tỉnh Quảng Bình
Lăng mộ danh tướng Cần Vương Lê Mô Khải	Hạ Trạch - Bồ Trạch	QĐ số 3044/QĐ-UBND ngày 17/12/2007 của UBND tỉnh Quảng Bình
Vụ thám sát thôn Quyết Thắng	Thanh Trạch	QĐ số 3140/QĐ-UBND ngày 30/11/2011 của UBND tỉnh Quảng Bình
Thành lồi Cao Lao Hạ	Hạ Trạch	QĐ số 3074/QĐ-CT ngày 13/12/2012 của UBND tỉnh Quảng Bình
Sở Chỉ huy Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Quảng Bình	Nghĩa Ninh, Đồng Hới	QĐ số 717/QĐ-UB ngày 6/4/2001 của UBND tỉnh Quảng Bình
Nhà lao Đồng Hới	Hải Đình, Đồng Hới	QĐ số 1769/QĐ-UB ngày 9/7/2003 của UBND tỉnh Quảng Bình
Trận địa Pháo binh Quang Phú	Quang Phú	QĐ số 1765/QĐ-UB ngày 9/7/2003 của UBND tỉnh Quảng Bình
Tháp chuông nhà thờ Tam Toà, Tháp nước, cây đa chùa Ông	Hải Đình + Đồng Mỹ	QĐ số 143/QĐ-UB ngày 26/2/1997 của UBND tỉnh Quảng Bình
Chiến khu Thuận Đức	Thuận Đức	QĐ số 1767/QĐ-UB ngày 9/7/2003 của UBND tỉnh Quảng Bình
Trụ sở Tỉnh ủy Quảng Bình trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1967-1973)	Đồng Sơn	QĐ số 2617/QĐ-UBND ngày 26/10/2007 của UBND tỉnh Quảng Bình
Lăng cá Ông, miếu Âm Hồn, miếu Ông Nghị	Bảo Ninh	QĐ số 1609/QĐ-UBND ngày 12/7/2011 của UBND tỉnh Quảng Bình
Danh thắng núi Thần Đinh	Trường Xuân, Quảng Ninh	QĐ số 2541/QĐ-UB ngày 18/8/2004
Tiếng bom cây đa Lộc Long	Xuân Ninh, Quảng Ninh	QĐ số 1534/QĐ-UB ngày 31/8/1999 của UBND tỉnh Quảng Bình

Phần II:

QUẢNG BÌNH TRONG GIAI ĐOẠN TỪ TIỀN SỬ ĐẾN LỊCH SỬ CỔ - TRUNG ĐẠI

Nhà thờ Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh	Vạn Ninh, Quảng Ninh	QĐ số 27/QĐ-UB ngày 6/1/2004
Địa đạo Văn La	Lương Ninh, Quảng Ninh	QĐ số 65/2005/QĐ-UBND ngày 28/12/2005
Di tích thôn chiến đấu Hiên Lộc	Duy Ninh, Quảng Ninh	QĐ số 66/2004/QĐ-UB ngày 27/9/2004 của UBND tỉnh Quảng Bình
Làng chiến đấu Quảng Xá	Tân Ninh, Quảng Ninh	QĐ số 3355/QĐ-UBND ngày 18/12/2008 của UBND tỉnh Quảng Bình
Mộ và Đền thờ Chiêu Vũ hầu Nguyễn Hữu Dật và Hào Lương hầu Nguyễn Hữu Hào	Vạn Ninh	QĐ số 1619/QĐ-UBND ngày 17/7/2010 của UBND tỉnh Quảng Bình
Lăng mộ và Nhà thờ Hoàng Kế Viêm	Lương Ninh	QĐ số 2167/QĐ-UBND ngày 26/8/2011 của UBND tỉnh Quảng Bình
Nơi thành lập lực lượng vũ trang tỉnh Quảng Bình	Văn Thủy	Quyết định số 31/2005/QĐ-UB ngày 30/6/2005
Lăng mộ Thái Bảo Đông các Đại học sĩ Võ Xuân Cẩn	Cam Thủy + Tân Thủy	QĐ số 2544/QĐ-UB ngày 18/8/2004 của UBND tỉnh Quảng Bình
Xã chiến đấu Hưng Đạo	Sen Thủy	QĐ số 113/QĐ-UB ngày 22/1/2000 của UBND tỉnh Quảng Bình
Miếu thờ Dương Văn An	Lộc Thủy	QĐ số 3292/QĐ-UBND ngày 4/12/2006
Chùa Hoàng Phúc	Mỹ Thủy	QĐ số 1210/QĐ-UBND ngày 1/6/2010 của UBND tỉnh Quảng Bình
Trận công đồn Bình Phúc	Đức Ninh, Đồng Hới	QĐ số 2889/QĐ-UBND ngày 21/11/2013 của UBND tỉnh Quảng Bình
Trận đánh biệt kích đêm 30/6/1964 ở Đồng Thành	Hải Thành, Đồng Hới	QĐ số 2890/QĐ-UBND ngày 21/11/2013 của UBND tỉnh Quảng Bình
Xưởng chế tạo vũ khí Trần Táo	Tuyên Hóa	QĐ số 3187/QĐ-UBND ngày 24/12/2013 của UBND tỉnh Quảng Bình
Chùa Lèn Bụt	Tuyên Hóa	QĐ số 3188/QĐ-UBND ngày 24/12/2013 của UBND tỉnh Quảng Bình

Di tích lịch sử văn hóa và danh thắng của tỉnh Quảng Bình tính đến thời điểm hiện nay (12/2013) có 99 di tích được xếp hạng gồm 51 di tích cấp Quốc gia (Trong đó lũy Đào Duy Từ thuộc thành phố Đồng Hới và huyện Quảng Ninh; Bến Phà Gianh thuộc hai huyện Bố Trạch và Quảng Trạch), 48 di tích cấp tỉnh.

III. Công tác bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích

Quảng Bình là một tỉnh tuy đời sống kinh tế còn nhiều khó khăn, nhưng trong những năm gần đây tốc độ tăng trưởng GDP tăng nhanh. Các đô thị như thành phố Đồng Hới, thị trấn Ba Đồn cùng với các cảng biển sông Gianh, Cảng Hòn La, cửa khẩu Cha Lo và nhiều trung tâm kinh tế - xã hội khác trong tỉnh đã và đang được xây dựng. Đó là những điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế xã hội. Trên cơ sở đó sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động bảo vệ, tôn tạo và phát huy các khu di tích danh thắng. Đồng thời cũng đặt ra những vấn đề cần xác định quy mô, bước đi, biện pháp và phương thức đầu tư trong quy hoạch bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di sản văn hóa

trong toàn tỉnh và những vùng trọng điểm. Nhờ sự quan tâm đầu tư bằng nguồn vốn chương trình mục tiêu Quốc gia của Bộ VH-TT (nay là Bộ VH,TT&DL), nguồn kinh phí của tỉnh, địa phương và nhiều nguồn vốn khác, thời gian qua đã bảo tồn, tôn tạo, dựng bia biển ở các địa điểm di tích.

Công tác bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích đạt yêu cầu về chất lượng, kỹ thuật, thẩm mỹ, được đưa vào sử dụng và phát huy giá trị tốt. Có di tích chỉ đầu tư từ 30 triệu đến 50 triệu đồng để dựng bia biển, nhưng cũng có di tích được đầu tư vài trăm triệu đến hàng tỉ đồng như di tích Cổng Cửa Đông, Thành Đồng Hới, Khu Giao Tế, Đền Liễu Hạnh Công chúa, Đình Kim Bảng, Đồi Cha Quang, Hang Lèn Hà, Địa đạo Văn La... Nhờ được đầu tư tu bổ kịp thời nên nhiều di tích đã trở thành sản phẩm du lịch văn hóa phục vụ cho nhu cầu du khách tham quan, du lịch, hưởng thụ văn hóa của nhân dân như cụm di tích Phong Nha - Xuân Sơn; cụm di tích Hoàn Sơn Quan - Liễu Hạnh Công chúa; Quảng Bình Quan, tượng đài Mẹ Suốt; Cụm di tích lăng mộ và nhà thờ Nguyễn Hữu Cảnh...

Trên tinh thần xã hội hóa công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích theo quy định của Luật Di sản văn hóa đã động viên, huy động các nguồn lực của các tổ chức, cá nhân đóng góp để trùng tu, phục hồi di tích: đình Lũ Phong, chùa Quan Âm Tự, đình La Hà, khu danh thắng Núi Thần Đinh...

*** Những hoạt động trong công tác bảo tồn và phát huy giá trị di tích còn bộc lộ những thiếu sót cơ bản là:**

- Mặc dù nhận thức của các ngành, các cấp và của toàn xã hội về vai trò, ý nghĩa của di tích và trách nhiệm của toàn xã hội đối với di sản văn hóa đã được nâng cao nhưng chưa sâu sắc và toàn diện và cũng chưa được cụ thể hóa bằng các biện pháp, kế hoạch và chương trình cụ thể.

- Chúng ta còn lúng túng trong việc xử lý một cách hài hòa mối quan hệ giữa bảo tồn và phát triển, chưa nhận thức thật sâu sắc vị trí, vai trò của di tích trong quá trình đổi mới đất nước và hội nhập quốc tế; cá biệt có nơi, có lúc vẫn tồn tại xu thế thương mại hóa di tích, đặt các mục tiêu, dự án phát triển kinh tế cao hơn các mục tiêu về bảo vệ di tích, thậm chí có những dự án về phát triển kinh tế được triển khai tại khu vực có di tích nhưng dự án không hề đề xuất bất cứ biện pháp nào để bảo tồn di tích.

- Công tác quản lý di tích vẫn cần tiếp tục được củng cố, còn nhiều di tích cần phải giải tỏa sự vi phạm.

- Công tác xã hội hóa hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị di tích còn thiếu định hướng, thiếu những chính sách, chế tài để khuyến khích, kêu gọi sự đóng góp của các tổ chức, cá nhân. Các nguồn lực do dân đóng góp chưa được quy tụ dưới sự quản lý của cơ quan Nhà nước nên không được định hướng để sử dụng có hiệu quả.

- Nhiều dự án tu bổ di tích được thực hiện nhưng vẫn thiếu sự đầu tư đồng bộ cho di tích, từ tu bổ kiến trúc, nội thất tới tôn tạo cảnh quan sân vườn, lắp đặt hệ thống chiếu sáng, phòng chống cháy, trộm, cải tạo hệ thống đường đi lối lại trong và xung

quanh di tích, xây dựng các khu quản lý và dịch vụ... Cơ sở hạ tầng tại các di tích còn yếu, hệ thống giao thông đến di tích không phải đã hoàn toàn thuận lợi, thậm chí với nhiều di tích còn rất khó khăn trong việc tiếp cận, nhất là các di tích ở miền núi.

- Việc giới thiệu, tổ chức khai thác ở di tích còn đơn điệu, chưa có sự kết hợp tốt giữa khai thác di sản văn hóa vật thể với di sản văn hóa phi vật thể. Hoạt động tổ chức giới thiệu tại di tích chưa được làm một cách khoa học, bài bản.

- Chưa có sự kết hợp chặt chẽ giữa các ngành, các cấp trong tổ chức khai thác du lịch và dịch vụ tại di tích. Tại một số di tích còn có hiện tượng sử dụng các “hướng dẫn viên không chuyên”, tranh giành giới thiệu di tích để áp đặt thù lao bất hợp lý, dẫn đến làm mất đi một phần tình cảm tốt đẹp của du khách và ảnh hưởng tới việc thu hút khách tham quan tới di tích.

- Việc sản xuất đồ lưu niệm phục vụ khách tham quan chưa được chú ý, chủ yếu mang tính tự phát, do dân nghĩ, dân làm nên thiếu định hướng, thiếu bàn tay chuyên môn (họa sỹ, kiến trúc sư chẳng hạn). Do đó, sản phẩm lưu niệm thường rất xấu, ít đổi mới, thiếu sự đa dạng, vật liệu mau hỏng và không thể hiện được đặc trưng gắn bó với di tích. Giá trị dịch vụ trong khai thác di tích còn chiếm một tỷ trọng rất thấp.

- Công tác tuyên truyền về di tích chưa được chú trọng, thông tin về di tích hạn chế. Thiếu những cuốn sách cẩm nang về di tích để phục vụ du khách.

Nhờ sự quan tâm đầu tư bằng nguồn vốn chương trình mục tiêu Quốc gia của Bộ VH-TT (nay là Bộ VH,TT&DL), nguồn kinh phí của tỉnh, địa phương và nhiều nguồn vốn khác, thời gian qua đã bảo tồn, tôn tạo, dựng bia biển ở các địa điểm di tích.

Công tác bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích đạt yêu cầu về chất lượng, kỹ thuật, thẩm mỹ, được đưa vào sử dụng và phát huy giá trị tốt. Có di tích chỉ đầu tư từ 30 triệu đến 50 triệu đồng để dựng bia biển, nhưng cũng có di tích được đầu tư vài trăm triệu đến hàng tỉ đồng như di tích Cổng Cửa Đông, Thành Đồng Hới, Khu Giao Tế, Đền Liễu Hạnh Công chúa, Đình Kim Bảng, Đồi Cha Quang, Hang Lèn Hà, Địa đạo Văn La... Nhờ được đầu tư tu bổ kịp thời nên nhiều di tích đã trở thành sản phẩm du lịch văn hóa phục vụ cho nhu cầu du khách tham quan, du lịch, hưởng thụ văn hóa của nhân dân như cụm di tích Phong Nha-Xuân Sơn; cụm di tích Hoàn Sơn Quan-Liễu Hạnh Công chúa; Quảng Bình Quan, tượng đài Mẹ Suốt; Cụm di tích lăng mộ và nhà thờ Nguyễn Hữu Cảnh...

Trên tinh thần xã hội hoá công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích theo quy định của Luật Di sản văn hóa đã động viên, huy động các nguồn lực của các tổ chức, cá nhân đóng góp để trùng tu, phục hồi di tích: Đình Lũ Phong, Chùa Quan Âm Tự, Đình La Hà, khu danh thắng Núi Thần Đình...

Quảng Bình là một tỉnh tuy đời sống kinh tế còn nhiều khó khăn, nhưng trong những năm gần đây tốc độ tăng trưởng GDP tăng nhanh. Các đô thị như thành phố Đồng Hới, thị trấn Ba Đồn cùng với các cảng biển sông Gianh, Cảng Hòn La, Cửa khẩu Cha Lo và nhiều trung tâm kinh tế - xã hội khác trong tỉnh đã và đang được xây

Phần II:**QUẢNG BÌNH TRONG GIAI ĐOẠN TỪ TIỀN SỬ ĐẾN LỊCH SỬ CŨ - TRUNG ĐẠI**

dựng. Đó là những điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội. Trên cơ sở đó sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động bảo vệ, tôn tạo và phát huy các khu di tích danh thắng. Đồng thời cũng đặt ra những vấn đề cần xác định quy mô, bước đi, biện pháp và phương thức đầu tư trong quy hoạch bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di sản văn hóa trong toàn tỉnh và những vùng trọng điểm.

Danh mục dự án đầu tư giai đoạn 2000-2005

TT	Danh mục công trình	Địa điểm	Thời gian KC-TH	Năng lực thiết kế	Tổng mức đầu tư	Thực hiện 2001-2005
1	Miếu thần hoàng Mỹ Thổ - Trung Lục	Lệ Thủy	2001		30	30
2	Mộ Mai Lương	Quảng Trạch	2001	Tôn tạo	30	30
3	Bến phà Gianh	Quảng Trạch	2001	Bia đá	100	100
4	Lăng mộ Hồ Hồng	Bố Trạch	2002	Sửa mộ	30	30
5	Bia di tích chiến khu Trung Thuần	Quảng Trạch	2002	Bia đá	50	50
6	Miếu thần hoàng Mỹ Thổ - Trung Lục	Lệ Thủy	2002	Tôn tạo	50	50
7	Nhà thờ Nguyễn Hữu Cảnh	Quảng Ninh	2002	Nhà thờ	346,194	346,19
8	Đình Kim Bảng	Mình Hóa	2002	Đình	655,873	655,87
9	Đền Liễu Hạnh	Quảng Trạch	2003	Đền	794,654	794,66
10	Chùa Quan Âm Tự	Bố Trạch	2004	Sửa chữa	50	50
11	Khu Giao Tế	Đức Ninh	2004	Sửa chữa	100	100

Danh mục dự án đầu tư giai đoạn 2005-2010

12	Bến phà Xuân Sơn	Bố Trạch	2005	Tượng đài	433,193	433,20
13	Bến phà Quán Hàu	Quảng Ninh	2005	Tượng đài	378,365	378,37
14	Lũy Đào Duy Từ	Đồng Hới	2005	Bia đá	100	100
15	Tôn tạo Khu Giao Tế	Đồng Hới	2006	Sửa chữa	100	
16	Lăng mộ Lê Sỹ	Võ Ninh	2006	Bia đá	50,491	
17	Đình Tượng Sơn	Quảng Long	2006	Sửa chữa	100	
18	Bộ Chỉ huy Quân sự QB	Nghĩa Ninh	2006	Bia đá	57,025	
19	Địa đạo Văn La	Lương Ninh	2006	Bia đá	155	
20	Bia Lão quân Đức Ninh	Đức Ninh	2006	Bia đá	50	
21	Bia Hang lèn Đại Hòa	Đồng Hóa	2006	Bia đá	47,08	45,725

Phần II:**QUẢNG BÌNH TRONG GIAI ĐOẠN TỪ TIỀN SỬ ĐẾN LỊCH SỬ CŨ - TRUNG ĐẠI**

22	Nhà khách Bộ Tư lệnh 559	Hiền Ninh	2007	Sửa chữa	100	
23	Tôn tạo Khu Giao Tế	Đức Ninh	2008	Sửa chữa	100	
24	Bia Nhà lao Đồng Hới	Hải Đình	2009	Bia đá	59,800	
25	Bia di tích Trận địa pháo binh Quang Phú	Quang Phú	2009	Bia đá	50	
26	Nhà bia tưởng niệm đội Cha Quang	Minh Hóa	2009	Nhà bia	1.143	
27	Bia di tích Bến phà Nguyễn Văn Trỗi	Bố Trạch	2009	Bia đá	50	
28	Bia di tích đội 37 Nguyễn Việt Xuân	Minh Hóa	2009	Bia đá	50	
29	Tôn tạo Khu Giao Tế	Đức Ninh	2009, 2012	Sửa chữa	100 1.100	
30	Địa đạo Văn La	Quảng Ninh	2009	Sửa chữa	111,259	
31	Di tích phà Quán Hàu	Quảng Ninh	2009	Bia	136	
32	Phù điêu tượng đài Xuân Sơn	Bố Trạch	2009		150	
33	Bia di tích xã chiến đấu Hưng Đạo	Lệ Thủy	2009	Bia đá	50	
34	Cụm di tích Lăng mộ Nguyễn Hữu Cảnh	Quảng Ninh	2009	Sửa chữa	100	
35	Nhà bia Lưu niệm Bãi Đứ	Tuyên Hóa	2008	Nhà bia	137,422	100
36	Bia di tích Trụ sở Tỉnh ủy	P.Đồng Sơn	2008	Bia đá	50	

Danh mục dự án đầu tư giai đoạn 2010-2015

37	Bia di tích cửa biển Nhật Lệ	Đồng Hới	2010	Bia đá		
38	Nhà bia di tích ga Kẻ Rầy	Bố Trạch	2012	Nhà bia		
39	Di tích thôn chiến đấu Hiền Lộc	Quảng Ninh	2013	Đình		
40	Đình Thuận Bài	Quảng Trạch	2012	Đình	4,5 tỷ	
41	Chùa An Xá	Lệ Thủy	2011, 2013	Chùa	600 triệu	
42	Km0 - Đường 10	Quảng Ninh	2012	Nhà bia		
43	Bến phà Long Đại	Quảng Ninh	2013	Nhà bia	2,7 tỷ	
44	Các điểm di tích trên Đường 16	Lệ Thủy	2013	Nhà bia	500 triệu	
45	Miếu thần hoàng Mỹ	Lệ Thủy	2012	Miếu	1,5 tỷ	

Phần II:

QUẢNG BÌNH TRONG GIAI ĐOẠN TỪ TIỀN SỬ ĐẾN LỊCH SỬ CỔ - TRUNG ĐẠI

	Thổ - Trung Lực					
46	Hang Lèn Hà	Tuyên Hóa	2012	Bia Nhà truyền thống	1,2 tỷ	
47	Truy Viễn Đường	Quảng Trạch	2012	Đền	50	
48	Chùa Ngọa Cương	Quảng Trạch	2012	Chùa	50	
49	Làng chiến đấu Cự Nẫm	Bố Trạch	2013	Nhà bia	400	
50	Các điểm di tích trên Đường 12	Minh Hóa	2013	Bia	400	
51	Điện Thành Hoàng Vĩnh Lộc	Quảng Trạch	2013	Điện	500	
52	Bến phà Gianh	Quảng Trạch	2011	Bia	200	
53	Đình Minh Lệ	Quảng Trạch	2011	Đình		
54	Đình làng La Hà	Quảng Trạch	2013	Đình	150	
55	Địa đạo Văn La	Quảng Ninh	2011	Địa đạo	360	
56	Đình Minh Lệ	Quảng Trạch	2011	Đình		
57	Km0 - Đường 10	Quảng Ninh	2011	Nhà bia	300	
58	Mộ và nhà thờ Đền đốc Lê Trục	Tuyên Hóa	2011	Nhà thờ	200	
59	Nhà nhóm Thôn Trung	Quảng Ninh	2011	Nhà nhóm	140	
60	Lăng mộ và nhà thờ Nguyễn Hữu Cảnh	Lệ Thủy	2011	Lăng mộ	3 tỷ	
61	Thành Đồng Hới	Đồng Hới	2005, 2014		55 tỷ	
62	Lăng mộ Nguyễn Hữu Cảnh	Quảng Ninh	2012	Lăng mộ	115 tỷ	33 tỷ

IV. Bảo tồn di sản văn hoá vật thể trong quá trình phát triển

1. Đôi điều về phương pháp tiếp cận

Giải quyết thật thỏa đáng mối quan hệ giữa kinh tế và văn hóa nói chung, giữa bảo tồn và phát triển nói riêng là vấn đề mang tính toàn cầu, được quan tâm ở tất cả các quốc gia, đặc biệt là đối với các nước đang phát triển và hội nhập như Việt Nam.

Để xử lý vấn đề nêu trên, trước hết cần thống nhất một số nhận thức và quan điểm tiếp cận sau đây:

1.1. Trong xu thế hội nhập quốc tế, các quốc gia dân tộc cần phải hướng tới việc tôn trọng sự đa dạng văn hóa và bảo vệ, tôn vinh bản sắc văn hóa dân tộc để tạo nền tảng tinh thần cho phát triển.

1.2. Văn hóa cần được nhìn nhận như một bộ phận hữu cơ trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Kinh tế và văn hóa là hai yếu tố tương tác, phụ thuộc và bổ sung cho nhau. Và do đó, việc bảo tồn di sản văn hóa không được cản trở, mà ngược lại còn phải tạo ra động lực cho phát triển xét dưới góc độ tác động tới việc hình thành nhân cách con người và đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng phục vụ trực tiếp cho phát triển.

1.3. Di sản văn hóa (vật thể và phi vật thể) được xác định là bộ phận quan trọng cấu thành môi trường sống của con người. Di sản văn hóa là loại tài sản quý giá không thể tái sinh và không thể thay thế nhưng rất dễ bị biến dạng do tác động của các yếu tố ngoại cảnh (khí hậu, thời tiết, thiên tai, chiến tranh, sự phát triển kinh tế một cách ồ ạt, sự khai thác không có sự kiểm soát chặt chẽ. Và cuối cùng là việc bảo tồn, trùng tu thiếu chuyên nghiệp không theo đúng những chuẩn mực khoa học...).

1.4. Con người được coi là trung tâm của quá trình phát triển. Và do đó, di sản văn hóa phải được gắn với con người và cộng đồng cư dân địa phương (với tư cách là chủ thể sáng tạo văn hóa và chủ sở hữu tài sản văn hóa), coi việc đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa lành mạnh của đông đảo công chúng trong xã hội là mục tiêu hoạt động.

1.5. Yếu tố hiện đại là những giá trị văn hóa được sáng tạo căn bản dựa trên cơ sở những truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc và tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại. Như thế, hiện đại chính là sự hội nhập giữa dân tộc và quốc tế. Và cái gọi là hiện đại hôm nay (những giá trị văn hóa do chúng ta sáng tạo ra) sẽ trở thành quá khứ của tương lai-cái mà chúng ta gọi là cổ truyền. Rõ ràng, giữa cổ truyền và hiện đại có rất nhiều gạch nối và sự bổ sung liên tục bởi những giá trị văn hóa. Công tác bảo tồn và trùng tu di tích chính là hoạt động nhằm vào việc giữ gìn ngọn lửa truyền thống văn hóa và đem đến ý nghĩa sinh động cho khái niệm truyền thống. Có thể hiểu việc “giữ lửa và tiếp lửa” là thổi sinh khí văn hóa cổ truyền vào hiện đại, mang hơi ấm mùa xuân vào cái hôm nay, để cho cổ truyền không bao giờ xưa cũ mà luôn luôn mới và có vị trí xứng đáng trong đời sống đương đại.

1.6. Di sản văn hóa là sản phẩm của những điều kiện lịch sử, văn hóa, kinh tế và chính trị cụ thể qua nhiều thời kỳ lịch sử. Vì thế, mối liên hệ của các di tích lịch sử và văn hóa với thời kỳ lịch sử của chúng được sáng tạo ra là những thông tin mà những người làm công tác bảo tồn và trùng tu cần quan tâm, trong đó có hai yếu tố quan trọng nhất là tính nguyên gốc và tính chân xác lịch sử của di tích. Tính nguyên gốc gắn bó với những bộ phận cấu thành của di tích được sáng tạo ngay từ lúc khởi dựng ban đầu. Còn tính chân xác lịch sử lại gắn với những dấu ấn sáng tạo được hình thành

trong quá trình tồn tại của di tích (các bộ phận kiến trúc, vật liệu, kỹ thuật xây dựng, chức năng truyền thống và những công năng tương ứng của di tích...). Như vậy, yếu tố nguyên gốc và yếu tố chân xác lịch sử sẽ quyết định các mặt giá trị của di tích. Đến lượt mình, các mặt giá trị của di tích, nhu cầu khai thác và sử dụng nó sẽ quyết định phương pháp bảo tồn và trùng tu di tích của chúng ta.

1.7. Không nên coi công tác bảo tồn và trùng tu di tích là một loạt những công thức hay mô hình sẵn có mang tính vạn năng, cứng nhắc. Ngược lại, trong công tác bảo tồn và trùng tu di tích, các chiến lược cụ thể, những mô hình, nguyên tắc mang tính chất lý thuyết phải được vận dụng linh hoạt tùy thuộc vào điều kiện lịch sử, nét đặc thù và các mặt giá trị tiêu biểu của những di tích cụ thể.

2. Một số quan điểm, giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của công tác bảo tồn và phát huy giá trị di tích góp phần vào sự nghiệp bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước:

- Kiên trì công tác tuyên truyền, giáo dục về di sản văn hóa và Luật Di sản văn hóa. Chú trọng tới đối tượng thanh thiếu niên, triển khai có hiệu quả khẩu hiệu “Di sản nằm trong tay thế hệ trẻ” của UNESCO. ICOMOS nhấn mạnh tới “một chương trình thông tin đại chúng” cho mọi người, bắt đầu từ trẻ em ở tuổi đến trường.

- Giải quyết thỏa đáng mối quan hệ giữa bảo tồn và phát triển, với quan điểm di tích là cái đang có, cái không thể thay thế, nên vì sự phát triển bền vững, vì lợi ích cộng đồng, lợi ích của các thế hệ hôm nay và mai sau thì cái mới, cái xây dựng sau cần phải hết sức tôn trọng di sản gốc.

Vì vậy, việc đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giới thiệu, tăng tính hấp dẫn của di tích nhằm thu hút nhiều hơn nữa khách tham quan; tổ chức các hoạt động văn hóa tại di tích hướng tới mục tiêu phục vụ phát triển du lịch bền vững là hết sức cần thiết. Nguồn tài nguyên di tích cũng sẽ bị cạn kiệt như những nguồn tài nguyên dầu mỏ, than đá... nếu chỉ khai thác mà không bảo tồn. Bảo tồn và khai thác luôn là hai mặt của một vấn đề, nếu chỉ bảo tồn mà không chú ý tới khai thác sẽ gây lãng phí tài nguyên, hạn chế việc phát huy giá trị; nếu chỉ khai thác mà không bảo tồn thì còn nguy hiểm hơn nữa, điều đó sẽ gây hủy hoại di tích, hủy hoại môi trường và những hậu quả to lớn khác cho toàn xã hội. Muốn vậy thì cần phải:

- Phát huy mạnh mẽ hơn nữa vai trò của nhân dân trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di tích.

- Tăng cường công tác đào tạo nguồn nhân lực cho bảo tồn và phát huy giá trị di tích, bao gồm đội ngũ quản lý, đội ngũ nghiên cứu về di tích, các kiến trúc sư, kỹ sư xây dựng, kỹ thuật viên, thợ nghề, nghệ nhân, những người làm công tác bảo vệ di tích ở cơ sở...

Mọi sự thành công, thất bại đều do con người. Thực tế cho thấy, những giá trị bền vững của di sản văn hóa dân tộc chỉ thực sự hấp dẫn và trở thành những sản phẩm văn hóa độc đáo và có ý nghĩa sâu sắc khi chúng ta biết phát huy những giá trị đích

Phần II:

QUẢNG BÌNH TRONG GIAI ĐOẠN TỪ TIỀN SỬ ĐẾN LỊCH SỬ CỔ - TRUNG ĐẠI

thực, những thế mạnh đặc trưng mà không bị lôi cuốn vào xu thế thương mại hóa tầm thường. Không làm tốt công tác giữ gìn, bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa, chúng ta không chỉ có tội với ông cha mà còn có lỗi với các thế hệ con cháu mai sau.